

Bản án số: **80** /2021/HS-PT
Ngày: 22/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Bà Trần Thị Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- *Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên tòa:* Ông Thân Mạnh Cường - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 22/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 149/2021/TLPT-HS ngày 24/5/2021 đối với bị cáo Lục Văn G do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HSST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Bị cáo: **Lục Văn G** - sinh ngày 09/8/2004; Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Lục Văn X - sinh năm 1975; Mẹ đẻ: Chu Thị B - sinh năm 1975; Vợ, con: Không; Anh, chị em: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo bị “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

-*Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lục Văn G:* Anh Lục Văn X – Sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

-*Người bào chữa cho bị cáo Lục Văn G:* Ông Thân Văn L – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

Bị hại:

Chị Vui Thị M – Sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai

*** Người tham gia tố tụng khác:** Vụ án còn có bị cáo Hoàng Văn T, đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo T; 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không có kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án diễn biến tại phiên tòa thì vụ án được tóm tắt như sau:

Lục Văn G, sinh ngày 09/8/2004, trú quán: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang và Hoàng Văn T, sinh ngày 04/12/2004, trú quán: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang là bạn chơi với nhau từ trước. Đầu tháng 5 năm 2020, G và T cùng thuê phòng trọ ở chung với nhau tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để tìm việc làm tại các khu Công nghiệp huyện V. Khoảng 21 giờ ngày 15/5/2020 trong lúc G, T đang ngồi chơi ở cầu vượt dân sinh dành cho người đi bộ đi qua đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang thuộc địa phận thôn P, xã T, huyện V, do không tìm được việc làm và không có tiền sinh hoạt cá nhân nên G rủ T hôm sau đi cướp giật tài sản của người đi đường để lấy tiền chi tiêu, T đồng ý rồi cả hai cùng nhau đi về phòng trọ ngủ.

Khoảng 07 giờ ngày 16/5/2020, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Espero, biển kiểm soát 98AB-044.67 chở G ngồi sau đi từ phòng trọ vào khu công nghiệp V, huyện V để cướp giật tài sản. Trên đường đi, G nhặt một khẩu trang y tế ở đường bịt biển số xe lại nhằm không để ai phát hiện khi cướp giật tài sản. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi không tìm được ai để cướp giật tài sản, G tiếp tục chở T đi lên giữa cầu vượt dân sinh dành cho người đi bộ đi qua đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang thuộc địa phận thôn P, xã T, huyện V rồi đỗ xe lại đứng trên cầu để tiếp tục tìm người đi đường để tài sản sơ hở thì cướp giật tài sản. G, T đứng trên cầu đợi được khoảng 05 phút, G nhìn thấy chị Vùi Thị M, sinh năm 1998, trú quán: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh L đang xách túi ni lon màu đỏ bên tay trái, đi bộ trên cầu theo hướng từ khu công nghiệp Vân Trung sang tổ dân phố M, thị trấn N nên nói với T “con mời kìa” tức bảo T cướp giật tài sản của chị M, T bảo “ừ, biết rồi” tức là đồng ý. Khi chị M đi bộ qua chỗ G, T đứng được khoảng 30m thì T điều khiển xe mô tô chở G ngồi sau đuổi theo đi song song, áp sát từ phía sau chị M rồi G dùng tay phải giật túi ni lon của chị M đang xách ở tay trái cùng lúc này T điều khiển xe bỏ chạy đến chân cầu vượt đường cao tốc ở ngã tư Đình Trám thuộc xã H, huyện V thì đỗ xe lại. Sau đó, G, T cùng nhau kiểm tra túi ni lon cướp giật của chị M thấy bên trong có 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, số tiền 6000 đồng, 01 thẻ công nhân, 01 bánh mỳ. T cầm điện thoại tháo sim rồi đưa cho G cầm còn G lấy tiền rút vào túi quần và bỏ bánh mỳ ra ăn. Ăn bánh mỳ xong, T điều khiển xe mô tô chở G vào quán Internet không quen biết ở tổ dân phố My Điền 3, thị trấn Nénh rồi vào mạng tìm cách phá khóa điện thoại cướp giật của chị M nhưng không phá được. Sau đó, G đưa điện thoại cướp giật cho T cầm còn G điều khiển xe chở T đi bán điện thoại cướp giật của chị M. Khoảng 09 giờ cùng ngày 16/5/2020, G và T mang điện thoại cướp giật được vào quán điện thoại không quen biết ở tổ dân phố M, thị trấn N để bán nhưng chủ quán không mua. G tiếp tục điều khiển xe chở T đi tìm chỗ bán điện thoại tiếp theo thì bị tắc đường. Lúc này anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997 là chồng chị M điều khiển xe mô tô chở chị M đi ăn sáng đi tới và đi sát xe của G. Chị M nhìn thấy T cầm điện thoại di động Iphone 6 Plus ở tay, trên điện thoại có hình ảnh của vợ chồng chị M, biết là điện thoại của mình bị G và T cướp

giật. Chị M bảo T đưa điện thoại cho chị M mượn đồng thời dùng tay giật luôn điện thoại từ tay T và hô hoán mọi người bắt giữ G và T. Thấy chị M phát hiện, T nhảy xuống xe bỏ chạy về phòng trọ còn G bị vợ chồng chị M bắt giữ đưa đến Công an thị trấn N rồi trình báo sự việc đến Công an huyện V đồng thời chị M giao nộp cho Công an chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus bị cướp giật. Cùng ngày 16/5/2020, Công an huyện V triệu tập T đến trụ sở Công an để làm việc, T và G đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản của mình đồng thời G giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Espero, biển kiểm soát 98AB-044.67.

Ngày 25/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V định giá số tài sản chị M bị cướp giật.

Ngày 26/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V định giá và kết luận: 01 điện thoại Iphone 6 Plus trị giá 2.800.000 đồng, 01 bánh mỳ trị giá 2.000 đồng, 01 phôi sim trị giá 25.000 đồng, 01 thẻ công nhân trị giá 50.000 đồng, 01 túi ni lon không còn giá trị.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 05/02/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Lục Văn G, Hoàng Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lục Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là không oan, bị cáo do đói và bị cách ly không có đồ ăn nên cùng nhau đi cướp giật để lấy đồ ăn, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố đơn nhận bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có ý kiến gì

Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HSST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Lục Văn G, Hoàng Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Lục Văn G 19** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T 18** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 28/4/2021 bị cáo Lục Văn G kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: mức hình phạt tù là nặng, hậu quả xảy

không lớn, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bản thân từ trước đến nay chấp hành tốt các quy định của địa phương, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là người dân tộc nùng, sống ở vùng kinh tế khó khăn thuộc hộ cận nghèo, phạm tội trong thời gian chưa đủ 16 tuổi, đề nghị TAND tỉnh B xem xét cho bị cáo được hưởng án treo

* Tại phiên toà phúc thẩm: Bị cáo cung cấp xác nhận bồi thường thiệt hại cho bị hại và đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị hại và trình bày: Diễn biến hành vi theo án sơ thẩm là đúng. Bị cáo do dịch bệnh covid và bị cách ly xã hội, không có việc làm, không có thu nhập, bị đói nên thấy người bị hại có túi bánh mì giắt lấy để ăn, thực tế cũng không biết có chiếc điện thoại trong túi mà sau khi giắt được mới biết có điện thoại. Bị cáo biết hành vi như vậy là vi phạm pháp luật nên mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo G trình bày: Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo

* Đại diện VKSND tỉnh B thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nội dung kháng cáo của bị cáo nêu ra, đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 355; Điều 357- Bộ luật tố tụng hình sự 2015 chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo xử phạt bị cáo 19 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 38 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo tranh luận: Nhất trí đề nghị của Viện kiểm sát không có ý kiến gì

+ Người bào chữa của bị cáo G tranh luận: Về tội danh, hành vi phạm tội của bị cáo xử tội Cướp giật tài sản là đúng, không oan sai, Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật có hạn chế. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

+ Đại diện hợp pháp của bị cáo G: Nhất trí ý kiến của Người bào chữa, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

+ Bị cáo G: Nhất trí ý kiến của Người bào chữa, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện VKS đối đáp: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

- Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm trình bày.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình gây ra. Đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa làm người có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về việc vắng mặt của những người bị hại, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra, thể hiện quan điểm trong hồ sơ vụ án. Do vậy, sự vắng mặt không ảnh hưởng việc xét

xử, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 351- Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh của bị cáo HĐXX thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thừa nhận: Khoảng 07 giờ 30 ngày 16/5/2020, tại cầu vượt dân sinh dành cho người đi bộ đi qua đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang thuộc địa phận thôn P, xã T, huyện V, Hoàng Văn T, sinh ngày 04/12/2004, trú quán: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô chở Lục Văn G, sinh ngày 09/8/2004, trú quán: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngồi sau đi song song, áp sát từ phía sau chị Vùi Thị M, sinh năm 1998, trú quán: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai đang đi bộ trên cầu rồi G dùng tay phải cướp giật 01 ni lon màu đỏ (bên trong túi có: 6000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus trị giá 2.800.000 đồng, 01 thẻ công nhân trị giá 50.000 đồng, 01 bánh mỳ trị giá 2000đồng, 01 sim điện thoại trị giá 25.000 đồng) của chị M đang xách ở tay trái.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo T và lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại. Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, tại thời điểm phạm tội, bị cáo dưới 16 tuổi (15 tuổi, 9 tháng, 7 ngày), còn bị T cũng dưới 16 tuổi. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi có ý trực tiếp, hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội “cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo thấy:

[3.1]. Về đánh giá vai trò, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và hình phạt đối với bị cáo, HĐXX thấy: Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo G là người chủ động rủ rê lôi kéo, bị cáo T có vai trò giúp sức nhưng thực hiện hành vi rất tích cực. Cấp sơ thẩm đánh giá vai trò của các bị cáo là có căn cứ

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử lý các bị cáo trong vụ án bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này. Án sơ thẩm sau khi đánh giá toàn diện, khách quan hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò, tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đã xử phạt bị cáo G mức án 19 tháng. Các bị cáo kháng cáo cho rằng mức hình phạt là nặng. Về mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, HĐXX phúc thẩm thấy có phần nghiêm khắc đối với các bị cáo là người chưa thành niên phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, mức hình phạt chưa phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 101- Bộ luật hình sự.

[3.1]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cấp sơ thẩm xác định các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1, Điều 52- Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3.2]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn, hối cải áp dụng cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo xuất trình thêm tài liệu gia đình bị hại đã nhận bồi thường và gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo G đề nghị áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS HDXX thấy:

Bị cáo là người dân tộc Nùng sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đã bồi thường cho gia đình bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS là có căn cứ

Căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm thấy trong tình hình hiện nay việc xét xử người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị của người bào chữa. Hội đồng xét xử thấy: Từ những phân tích nêu trên, việc xét xử cách ly bị cáo G với đời sống xã hội một thời gian là không cần thiết mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục răn đe phòng ngừa chung loại tội phạm này. Cần chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. sửa một phần bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo Lục Văn G

[4]. Án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 136- BLTTHS; điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm e, khoản 1, Điều 357- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lục Văn G
2. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HSST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 12; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015. Khoản 2 Điều 21; điểm d khoản 1 điều 12; điểm h khoản 2, Điều 23- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử phạt: Bị cáo **Lục Văn G** 19 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 38 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lục Văn G cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải án phí hình sự phúc thẩm;

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA cấp sơ thẩm;
- Chi cục THADS huyện V;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Hoàng Thị Hải Hường

